

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC THỌ

**ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VỀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH,
TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP
THUỘC BỘ TÀI CHÍNH**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 62.34.04.10

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI – NĂM 2015

Công trình được hoàn thành tại: **Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

Người hướng dẫn khoa học:

1: PGS.TS Trần Kim Chung

2: PGS.TS Nguyễn Ngọc Sơn

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồi.... ngày..... tháng.... năm 2015

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

- Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
- Thư viện Quốc gia, Hà Nội.

PHẦN MỞ ĐẦU

1 Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài Luận án

Kiểm soát là một biện pháp quan trọng trong công tác quản lý tài chính công, trong đó có ngân sách, tài sản nhà nước (NS – TSNN) phục vụ hoạt động của các cơ quan hành chính, sự nghiệp (HCSN). Hiện nay, hiệu suất công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra của cơ quan chức năng của Nhà nước (ngoại kiểm) còn hạn chế, cho nên Nghị quyết của nhiều nhiệm kỳ Đại hội Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước đều khẳng định vai trò quan trọng, tích cực của hoạt động kiểm soát nội bộ (KSNB) về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN. Tuy nhiên, đến nay hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định đối với hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN mới chỉ mang tính quy định khung, chưa quy định chi tiết, cụ thể, chưa có chế tài bắt buộc.

Bộ Tài chính có 04 đơn vị cấp Tổng cục có tổ chức bộ máy gắn liền và có quan hệ trực tiếp với các cấp chính quyền địa phương, sử dụng kinh phí chi thường xuyên tại mục “chi quản lý hành chính” chiếm đến gần 50% tổng dự toán chi ngân sách Trung ương ở mục này năm 2014, nên trong giai đoạn 2006 - 2014 đã phát sinh một số vướng mắc, hạn chế như các cơ quan HCSN của Việt Nam, ngoài ra còn phát sinh một số vướng mắc liên quan đến đặc thù hoạt động chuyên môn, tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính. Với những lý do chủ yếu nêu trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài “**Đổi mới hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính**” làm đề tài Luận án tiến sĩ kinh tế.

2 Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến đề tài

Các công trình nghiên cứu đã công bố ở trong nước mới tập trung khảo sát, đánh giá hoạt động KSNB của các Bộ, ngành đối với các đơn vị trực thuộc; các công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài chủ yếu đề cập đến hoạt động kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp. Các công trình nghiên cứu nêu trên đều chưa đề cập chuyên sâu đối với hoạt động KSNB về sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN; chưa có đánh giá tổng hợp ưu, nhược điểm của các quốc gia để có đề xuất về mô hình, thẩm quyền phân cấp, chưa có lời giải đáp thấu đáo về các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN của Việt Nam.

Nên còn một số vấn đề chủ yếu thuộc đề tài chưa được nghiên cứu, giải quyết như: Từ kinh nghiệm KSNB của một số nước trên thế giới để rút ra bài học cho Việt Nam; đánh giá toàn diện và có chiều sâu về thực trạng hoạt động để có đề xuất quan điểm, giải pháp đổi mới hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính. Do đó, việc nghiên cứu chuyên sâu hoạt động KSNB về sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính là hết sức thiết và cấp bách, Luận án này nhằm khắc phục các hạn chế nêu trên.

3 Mục tiêu nghiên cứu và các nhiệm vụ cụ thể cần nghiên cứu của đề tài Luận án

3.1 Mục tiêu nghiên cứu của đề tài Luận án: Nhằm giải quyết các vấn đề cơ sở lý luận của hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN; đánh giá thực trạng để có đề xuất quan điểm, giải pháp đổi mới hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính.

3.2 Các nhiệm vụ cụ thể cần nghiên cứu của đề tài Luận án: Công tác tổ chức thực hiện hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính trong giai đoạn vừa qua; sự cần thiết phải đổi mới; các quan điểm, phương hướng và giải pháp đổi mới.

4 Đối tượng và giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài Luận án: (i) Đối tượng nghiên cứu: Lý luận và thực tiễn hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính. (ii) Giới hạn phạm vi nghiên cứu: Không gian bao gồm các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính, mô hình KSNB tại một số nước; thời gian nghiên cứu thực trạng trong giai đoạn 2006 – 2014; đề xuất quan điểm, giải pháp, phương hướng đổi mới trong giai đoạn 2015 – 2025.

5 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và mô hình nghiên cứu tổng quát của đề tài Luận án

5.1 Cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu từ góc độ vĩ mô, với các hướng tiếp cận chủ yếu: Từ lịch sử hình thành, lý thuyết, quy định của pháp luật, kinh nghiệm quốc tế, tổ chức bộ máy, cán bộ, hiệu quả, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động KSNB về sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính.

5.2 Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp thu thập, phân tích, tổng hợp tài liệu lý luận và phương pháp thu thập, xử lý tổng hợp tư liệu, số liệu thực tiễn, bao gồm: Phương pháp tổng kết, phân tích thực tế và phương pháp khảo sát, điều tra (trong đó có xây dựng, phát hành và thu về 355 phiếu điều tra).

5.3 Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu: Hệ thống hóa và khái quát hóa; tổng hợp; chỉ số; phân tích kết hợp tổng hợp, chứng minh; quy nạp; nội suy kết hợp ngoại suy; phân tích trường hợp; đối chiếu, so sánh và dự báo; thống kê toán; SWOT.

5.4 Từ đó xây dựng mô hình nghiên cứu tổng quát của đề tài Luận án.

6 Ý nghĩa nghiên cứu đề tài Luận án

6.1 Về lý luận: (i) Hệ thống hóa, phát triển mở rộng và từng bước hoàn thiện nhận thức về mặt lý luận của hoạt động KSNB. (ii) Góp phần xây dựng hệ thống lý luận khoa học về hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN đảm bảo theo thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tế Việt Nam.

6.2 Về thực tiễn: (i) Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần giải quyết đối với hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính trong giai đoạn 2006 – 2014. (ii) Đề xuất các giải pháp, kiến nghị, xác định lộ trình và điều kiện để thực hiện thành công giải pháp, kiến nghị đổi mới hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính và của Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, Luận án được trình bày trong 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận của hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp.

Chương 2: Thực trạng hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp đổi mới hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính đến năm 2025.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VỀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP

1.1 Bản chất, mục tiêu và phân loại hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, sự nghiệp

1.1.1 Bản chất và vai trò

1.1.1.1 Khái niệm, nội dung và bản chất chung của hoạt động kiểm soát nội bộ

Hoạt động KSNB về sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN là hoạt động nội bộ của cơ quan HCSN với các cấu phần: (i) Hoạt động KSNB của cơ quan HCSN cấp trên đối với các cơ quan HCSN trực thuộc, bao gồm: Kiểm tra nội bộ, kiểm toán nội bộ; (ii) Hoạt động KSNB tại cơ quan HCSN, bao gồm: Tự kiểm tra nội bộ, giám sát nội bộ, cụ thể như sau:

- Kiểm tra nội bộ là hành động của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc so với chuẩn mực, chế độ quy định để phát hiện các hoạt động chưa theo chuẩn mực, chế độ quy định, có kiến nghị xử lý, đưa các hoạt động theo chuẩn mực, chế độ quy định.

- Kiểm toán nội bộ là hành động của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị qua tiếp cận toàn bộ thông tin, tài liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc để đánh giá, xác nhận và tư vấn về hiệu quả của quản lý, sử dụng các nguồn lực, hệ thống kiểm soát và phòng tránh rủi ro.

- Tự kiểm tra nội bộ là thẩm quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân được giao nhiệm vụ, chủ động và thường xuyên tổ chức thực hiện rà soát toàn bộ hoạt động đã và đang thực hiện so với chuẩn mực, chế độ quy định để kịp thời, chủ động tự điều chỉnh hoạt động, quy trình nghiệp vụ theo chuẩn mực, chế độ quy định.

- Giám sát nội bộ là thẩm quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đại diện cho quyền lợi người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc thường xuyên theo dõi, xem xét, đánh giá đối với toàn bộ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị để có đề xuất, kiến nghị và biện pháp tác động để hoạt động theo đúng mục tiêu, yêu cầu và đạt được kết quả đã được xác định.

Khái niệm chung về KSNB: KSNB là một hệ thống biện pháp, quy trình, thủ tục, chương trình, kế hoạch được thiết lập và tổ chức thực hiện tại cơ quan, tổ

chức, đơn vị để đánh giá, xác nhận các hoạt động theo chuẩn mực, chế độ quy định, theo mục tiêu, yêu cầu; tư vấn và có biện pháp tác động nâng cao hiệu quả của quản lý, sử dụng các nguồn lực, hệ thống kiểm soát để đạt được kết quả đã được xác định và phòng tránh rủi ro.

Bản chất chung của KSNB: KSNB là hoạt động nội bộ độc lập một cách tương đối với hoạt động quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, là hoạt động bên trong mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện thường xuyên ở tất cả các khâu của quá trình quản lý và là một chức năng của quản lý để đo lường, xem xét, đánh giá, tư vấn, kiến nghị nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý; nhằm mục tiêu thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị tuân thủ chế độ pháp lý, bảo vệ nguồn lực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, thông tin chính xác, trung thực và kịp thời, tuân thủ cam kết quốc tế.

1.1.1.2 Phân định cơ quan hành chính, sự nghiệp sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước

- Cơ quan HCSN bao gồm: Cơ quan quản lý nhà nước (QLNN), đơn vị sự nghiệp công, toàn bộ các khoản chi tiêu của các cơ quan HCSN được bố trí trong kế hoạch và được duyệt trong dự toán chi tiêu ngân sách nhà nước (NSNN) hàng năm nên được gọi là đơn vị dự toán. Trong đó một số cơ quan QLNN được thiết lập theo hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương trong cùng một ngành và hình thành các cấp dự toán khác nhau theo trách nhiệm trong sử dụng NS – TSNN, Luật NSNN quy định các cơ quan trong cùng một ngành được phân thành ba cấp đó là: Đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp II, đơn vị dự toán cấp III.

- NSNN đảm bảo hoạt động cho cơ quan HCSN là một bộ phận cấu thành NSNN. Nguồn ngân sách của cơ quan HCSN bao gồm: NSNN đảm bảo hoạt động, ngoài ra còn sử dụng kinh phí viện trợ, tài trợ, một số cơ quan HCSN có hoạt động nghiệp vụ, sự nghiệp có thu còn sử dụng số thu nghiệp vụ, thu sự nghiệp.

- Tài sản nhà nước sử dụng tại các cơ quan HCSN bao gồm toàn bộ tài sản có nguồn gốc NSNN đầu tư và được biếu, tặng, trao đổi, tiếp quản, thu hồi... được định danh thuộc sở hữu Nhà nước.

1.1.1.3 Khái niệm hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp:

Là hoạt động nội bộ của các cơ quan HCSN và của các cá nhân có liên quan đến sử dụng NS-TSNN, được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua hệ thống biện pháp, quy trình, thủ tục, chương trình, kế hoạch được thiết lập tại cơ quan

HCSN để đánh giá, xác nhận công tác sử dụng NS – TSNN theo chuẩn mực, chế độ quy định, theo mục tiêu, yêu cầu; tư vấn và có biện pháp tác động để nâng cao hiệu quả sử dụng NS – TSNN, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát để đạt được kết quả đã được xác định và phòng tránh rủi ro.

1.1.1.4 Vai trò, ý nghĩa của hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp:

Thứ nhất, góp phần thực hiện tốt hơn chức năng giám đốc và điều chỉnh của tài chính công.

Thứ hai, đối với Nhà nước: (i) Đảm bảo kỷ luật ngân sách, tăng cường hiệu quả QLNN, công khai, minh bạch. (ii) Giảm áp lực đối với các cơ quan ngoại kiểm. (iii) Đảm bảo toàn bộ nguồn lực NS – TSNN được kiểm soát.

Thứ ba, đối với cơ quan HCSN: (i) Giảm thiểu NS - TSNN có thể bị lãng phí, thất thoát, tồn dư kinh phí do chậm triển khai kế hoạch, hiệu quả kinh tế thấp. (ii) Góp phần loại bỏ rủi ro về thông tin quản lý. (iii) Chỉ ra các sai lệch, kém hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và sử dụng các nguồn lực. (iii) Hướng dẫn nghiệp vụ, minh bạch; đảm bảo trung thực, đúng đắn của số liệu, báo cáo.

1.1.2 Mục tiêu: (i) Hỗ trợ cơ quan HCSN thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được giao. (ii) Tuân thủ chế độ pháp lý liên quan đến hoạt động và bảo vệ các nguồn lực tài chính, tài sản của cơ quan HCSN. (iii) Phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí. (iv) Bảo đảm thông tin về sử dụng NS – TSNN của cơ quan HCSN chính xác, trung thực và kịp thời. (v) Tuân thủ các cam kết quốc tế có liên quan đến hoạt động của cơ quan HCSN.

1.1.3 Phân loại

* Phân loại KSNB để phân biệt với công tác ngoại kiểm do các cơ quan chuyên trách của Nhà nước như thanh tra, kiểm tra, kiểm toán...: Giống nhau về nội dung kiểm soát, đối tượng được kiểm soát. Khác nhau: (i) Về mối quan tâm ban đầu. (ii) Về việc tiếp cận thông tin, trình tự và mục tiêu.

* Hoạt động KSNB được phân loại theo các tiêu chí khác nhau, cụ thể:

- Phân loại theo chủ thể thực hiện bao gồm các loại: (i) Hoạt động KSNB của cơ quan HCSN cấp trên đối với các cơ quan HCSN trực thuộc, bao gồm: Kiểm tra nội bộ, kiểm toán nội bộ. (ii) Hoạt động KSNB tại cơ quan HCSN, bao gồm: Tự kiểm tra nội bộ, giám sát nội bộ.

- Phân loại theo thời gian thực hiện bao gồm các loại: (i) KSNB theo kế hoạch. (ii) KSNB đột xuất.

- Phân loại theo nội dung thực hiện bao gồm các loại: (i) KSNB toàn diện các nội dung. (ii) KSNB theo chuyên đề, một nội dung hoặc một vài nội dung.

- Ngoài ra còn có các cách phân loại khác như: Theo thẩm quyền phê duyệt hoạt động KSNB; theo quy mô đoàn, tổ KSNB...

1.2. Nội dung, phương pháp và các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp

1.2.1 Nội dung và phạm vi

* Nội dung hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN: (i) Nội dung hoạt động KSNB về sử dụng ngân sách. (ii) Nội dung hoạt động KSNB về sử dụng tài sản nhà nước.

* Phạm vi hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN:

- Về đối tượng là các cơ quan HCSN, cơ quan và cá nhân khác có liên quan đến sử dụng NSNN, các nguồn thu, tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác và có liên quan đến sử dụng tài sản nhà nước.

- Về thời gian và không gian: Thực hiện thường xuyên, liên tục gắn với hoạt động sử dụng NS – TSNN, gắn với sự tồn tại và chuyển dịch của NS-TSNN.

1.2.2 Phương pháp, quy trình và tổ chức bộ máy

1.2.2.1 Phương pháp kiểm soát nội bộ

Thứ nhất, phương pháp KSNB được phân loại theo quá trình thực hiện nhiệm vụ KSNB gồm: Kiểm soát trước (tiền kiểm), kiểm soát hiện hành (đồng thời) và kiểm soát sau (hậu kiểm). Riêng hoạt động kiểm toán nội bộ gồm 3 phương pháp: (1) Kiểm toán tuân thủ chấp hành pháp luật; (2) Kiểm toán hoạt động yêu cầu giải trình sử dụng NS - TSNN và hiệu quả sử dụng, (3) Kiểm toán báo cáo tài chính nhằm kiểm tra, xác nhận tính trung thực và tính hợp lý.

Thứ hai, các phương pháp nghiệp vụ trong hoạt động KSNB: (i) Phương pháp cân đối; (ii) Phương pháp đối chiếu; (iii) Phương pháp kiểm kê; (iv) Phương pháp điều tra; (v) Phương pháp thực nghiệm (trắc nghiệm); (vi) Phương pháp chọn mẫu; (vii) Phương pháp phân tích.

1.2.2.2 Quy trình tổ chức thực hiện kiểm soát nội bộ:

Bước 1, Lập kế hoạch KSNB.

Bước 2, Tổ chức thực hiện KSNB.

Bước 3, Lập báo cáo KSNB.

Bước 4, Theo dõi sau KSNB.

1.2.2.3 Tổ chức bộ máy thực hiện kiểm soát nội bộ

Thứ nhất, tại các cơ quan HCSN cấp trên có tổ chức bộ máy bao gồm các cơ quan HCSN trực thuộc: Thủ trưởng cơ quan thành lập bộ phận KSNB chuyên trách, độc lập với các bộ phận chuyên môn khác, hoặc có thể giao nhiệm vụ KSNB này cho một bộ phận chuyên môn độc lập thực hiện.

Thứ hai, tại các cơ quan HCSN trực tiếp sử dụng NS-TSNN: Không tổ chức bộ phận KSNB độc lập, hoạt động KSNB giao cho các bộ phận chuyên môn của đơn vị thực hiện kiêm nhiệm.

1.2.3 Các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát nội bộ

- Theo tiêu chí tổ chức quản lý hoạt động KSNB.

- Theo tiêu chí mục tiêu KSNB cần đạt được.

1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp

** Các nhân tố bên trong:* (i) Quan điểm và cách thức điều hành của người quản lý. (ii) Năng lực của người quản lý. (iii) Tính trung thực và đạo đức của người quản lý. (iv) Cơ cấu tổ chức. (v) Cán bộ được giao nhiệm vụ KSNB.

** Các nhân tố bên ngoài:* (i) Các cơ quan có thẩm quyền. (ii) Các đối tượng có liên quan. (iii) Quan hệ với các cơ quan bên ngoài. (iv) Hội nhập quốc tế.

1.4 Kinh nghiệm một số nước về kiểm soát nội bộ và bài học cho Việt Nam

1.4.1 Kinh nghiệm một số nước về lựa chọn mô hình kiểm soát nội bộ

** Hoạt động KSNB của các nước trên thế giới theo các mô hình sau:*

- *Mô hình tập trung*, Bộ Tài chính kiểm soát theo chế độ cử cán bộ của Bộ Tài chính trực tiếp làm việc tại các Bộ, ngành.

- *Mô hình phi tập trung*, các Bộ, ngành chịu trách nhiệm hoàn toàn về sử dụng NS-TSNN của Bộ, ngành trong đó có hoạt động KSNB.

- *Mô hình hỗn hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phi tập trung*, theo hướng một số Bộ, ngành Trung ương áp dụng mô hình tập trung; một số cơ quan HCSN trực thuộc các Bộ, ngành áp dụng mô hình phi tập trung.

* Mô hình tổ chức hoạt động KSNB đang áp dụng ở một số nước:

- *Mô hình KSNB tập trung của Pháp*: Tổng Thanh tra Tài chính thuộc Bộ Tài chính thực hiện KSNB về sử dụng NS - TSNN đối với toàn bộ các cơ quan nhà nước. Tại các Bộ, ngành còn có một Kiểm soát viên Tài chính do Bộ Tài chính cử đến để KSNB trực tiếp về sử dụng NS - TSNN tại Bộ, ngành.

- *Mô hình KSNB phi tập trung của Anh*: Bộ Tài chính ban hành chuẩn mực KSNB. Các Bộ, ngành có bộ phận Thư ký Thường trực (cơ quan phụ trách sử dụng NS - TSNN) thực hiện KSNB về sử dụng NS - TSNN của Bộ, ngành.

- *Mô hình KSNB hỗn hợp ở cấp liên bang của Hoa Kỳ*: Kiểm toán Nhà nước ban hành chuẩn mực KSNB. Các Bộ, ngành có một Tổng Thanh tra (người đứng đầu bộ phận KSNB) thực hiện KSNB về sử dụng NS - TSNN của Bộ, ngành), có bộ phận KSNB tự nguyện (không bắt buộc) với cán bộ kiêm nhiệm.

- *Mô hình KSNB phi tập trung của Hàn Quốc*: Kiểm toán Nhà nước ban hành chuẩn mực KSNB; Văn phòng Chính phủ ban hành quy định về KSNB cho các cơ quan nhà nước cấp Trung ương. Các Bộ, ngành và một số đơn vị thuộc Bộ, ngành có quy mô lớn thành lập bộ phận KSNB về sử dụng NS - TSNN.

- *Mô hình KSNB phi tập trung của Đức*: Cơ quan Kiểm toán tối cao Liên bang ban hành chuẩn mực, giám sát hoạt động KSNB. Các Bộ, ngành thuê công ty kiểm toán độc lập thực hiện KSNB và các công ty kiểm toán độc lập này báo cáo kết quả KSNB lên Cơ quan Kiểm toán tối cao Liên Bang.

- *Mô hình KSNB phi tập trung của Latvia*: Chính phủ ban hành chuẩn mực KSNB. Các Bộ, ngành và các đơn vị trực thuộc có bộ phận KSNB để thực hiện KSNB về sử dụng NS - TSNN của Bộ, ngành và của đơn vị.

- *Mô hình KSNB tập trung của Anbani*: Bộ Tài chính ban hành chuẩn mực KSNB. Ủy ban kiểm toán nội bộ thuộc Bộ Tài chính thực hiện KSNB về sử dụng NS - TSNN trong khu vực công. Các Bộ, ngành có bộ phận KSNB thực hiện KSNB về sử dụng NS - TSNN trong khu vực công thuộc Bộ, ngành.

1.4.2 Một số bài học cho Việt Nam từ kinh nghiệm nước ngoài: (1) Cần có sự thống nhất nhận thức về tính tất yếu khách quan và vai trò quan trọng của hoạt động KSNB. (2) Hoạt động KSNB cần được quy định bởi các văn bản pháp lý cao và có hệ thống các văn bản pháp luật hướng dẫn đầy đủ. (3) Cần lựa chọn mô hình tổ chức hoạt động KSNB phù hợp với thực tiễn. (4) Xác định rõ thẩm quyền bổ nhiệm người đứng đầu bộ phận KSNB và kiểm soát viên. (5) Cần tăng cường phối

hợp giữa KSNB với ngoại kiểm. (6) Chú trọng cảnh báo rủi ro, nguy cơ tiềm ẩn, tăng cường kiểm soát hiệu quả của công tác sử dụng NS – TSNN.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VỀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP THUỘC BỘ TÀI CHÍNH

2.1 Khái quát về kiểm soát nội bộ ở Việt Nam và các cơ quan hành chính, sự nghiệp sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước thuộc Bộ Tài chính

2.1.1 Khái quát hoạt động kiểm soát nội bộ và cơ chế, chính sách có liên quan đến kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính

Hoạt động KSNB ở Việt Nam có bề dày lịch sử, gắn với hoạt động QLNN, xã hội, sản xuất kinh doanh. Chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước Việt Nam tiếp tục phân cấp, phân quyền rõ hơn, thúc đẩy các cơ quan HCSN tự chịu trách nhiệm; đề cao vai trò, trách nhiệm KSNB của người đứng đầu, của người lao động là nét tương đồng với các quốc gia theo thể chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước pháp quyền.

Các cơ chế, chính sách có liên quan đến KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính bao gồm các đề án nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách, pháp luật về QLNN và quản lý các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính đã xác lập cơ sở khoa học hình thành khung pháp lý đối với hoạt động KSNB về sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính.

2.1.2 Các cơ quan hành chính, sự nghiệp sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước thuộc Bộ Tài chính

2.1.2.1 Đặc điểm các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính hiện nay được quy định tại Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ bao gồm: Các tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng QLNN, các tổ chức sự nghiệp phục vụ QLNN thuộc Bộ, có cơ cấu tổ chức bộ máy theo hệ thống dọc từ Trung ương đến cấp huyện trong phạm vi toàn quốc, với một số đặc điểm cơ bản liên quan đến hoạt động KSNB về sử dụng NS-TSNN như

sau: (i) Bộ Tài chính có 04 cơ quan HCSN cấp Tổng cục có hệ thống dọc từ Trung ương đến cấp huyện trong phạm vi toàn quốc, có các hoạt động đặc thù. (ii) Nguồn kinh phí của các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính đa dạng, được giao trực tiếp từ Bộ, được giao qua các đơn vị trung gian. (iii) Tài sản của các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính có nhiều tài sản đặc thù, được trang cấp trực tiếp từ Bộ, trang cấp qua các đơn vị cấp trung gian. (iv) Bộ Tài chính có các kế hoạch, dự án đầu tư hiện đại hóa có liên quan đến các cơ quan thuộc Bộ, các cơ quan ngoài Bộ, quan hệ trực tiếp với các cam kết của Việt Nam với các tổ chức và đối tác quốc tế.

2.1.2.2 Phân loại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính

** Các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán các cấp:* Thời điểm năm 2014 tổng số đơn vị dự toán là 1.869 đơn vị, bao gồm: (i) 01 đơn vị dự toán cấp I là Cục Kế hoạch – Tài chính trực tiếp nhận dự toán thu, chi NSNN của Nhà nước để phân bổ và giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc (ii) 161 đơn vị dự toán cấp II là các đơn vị trung gian (bao gồm: Cấp II cấp Trung ương và cấp II cấp tỉnh). (iii) 1.707 đơn vị dự toán cấp III là đơn vị trực tiếp sử dụng NS – TSNN.

** Các cơ quan HCSN là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng (ĐT XD) có tổng mức đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên đóng trên địa bàn cả nước năm 2014 là 700 chủ đầu tư.*

2.1.2.3 Quy trình nghiệp vụ sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính

** Quy trình nghiệp vụ sử dụng ngân sách:*

Thứ nhất, quy trình công tác dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm: (i) Lập dự toán. (ii) Chấp hành dự toán. (iii) Quyết toán.

Thứ hai, quy trình công tác quản lý dự án đầu tư phát triển: (i) Chủ trương đầu tư. (ii) Chuẩn bị đầu tư. (iii) Thực hiện đầu tư. (iv) Kết thúc đầu tư.

** Quy trình nghiệp vụ sử dụng tài sản nhà nước:* (i) Tiếp nhận tài sản. (ii) Sử dụng tài sản. (iii) Kiểm kê tài sản. (iv) Điều chuyển, xử lý tài sản.

2.2 Phân tích thực trạng hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2006 – 2014

2.2.1 Cơ sở pháp lý và đặc điểm tổ chức bộ máy thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ, đối tượng được kiểm soát nội bộ

(1) Quy định nhiệm vụ, tổ chức bộ máy thực hiện hoạt động KSNB (kiểm tra nội bộ, kiểm toán nội bộ) của cơ quan HCSN cấp trên đối với các cơ quan HCSN trực thuộc; đối tượng được kiểm tra nội bộ, kiểm toán nội bộ:

Thứ nhất, Bộ Tài chính giao Cục Kế hoạch – Tài chính hướng dẫn, tổ chức thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động KSNB; tổ chức bộ máy có Ban Kiểm tra, kiểm toán nội bộ (bộ phận chuyên trách) được giao nhiệm vụ KSNB đối với các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính.

Thứ hai, các Tổng cục (trừ Kho bạc Nhà nước (KBNN)) đều giao 2 đơn vị thực hiện hoạt động KSNB đối với các cơ quan HCSN trực thuộc là đơn vị làm công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ và đơn vị làm công tác tài vụ quản trị, cụ thể:

- Tổng cục Thuế có hai đơn vị là đơn vị làm công tác kiểm tra nội bộ và đơn vị làm công tác tài vụ - quản trị.
- Tổng cục Hải quan có hai đơn vị là đơn vị làm công tác thanh tra và đơn vị làm công tác tài vụ - quản trị.
- Tổng cục Dự trữ Nhà nước có hai đơn vị là đơn vị làm công tác thanh tra và đơn vị làm công tác tài vụ - quản trị.
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có hai đơn vị là đơn vị làm công tác thanh tra và đơn vị làm công tác tài vụ - quản trị.

(Trong các Tổng cục: Riêng KBNN chỉ có đơn vị làm công tác tài vụ - quản trị được giao nhiệm vụ KSNB đối với các cơ quan HCSN trực thuộc).

Thứ ba, các đơn vị còn lại thuộc Bộ Tài chính, bộ phận làm công tác sử dụng NS-TSNN kiêm hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại đơn vị.

Đối tượng được KSNB (kiểm tra nội bộ, kiểm toán nội bộ): Các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán và chủ đầu tư các dự án đầu tư phát triển.

(2) Quy định về nhiệm vụ và tổ chức bộ máy thực hiện hoạt động KSNB tại cơ quan HCSN (tự kiểm tra nội bộ, giám sát nội bộ) và đối tượng được tự kiểm tra nội bộ, giám sát nội bộ:

Thứ nhất, đối với hoạt động tự kiểm tra nội bộ: Các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính không thành lập bộ phận độc lập, giao nhiệm vụ cho thủ trưởng, cán bộ, bộ phận chuyên môn phải thực hiện hoạt động tự kiểm tra nội bộ.

Thứ hai, đối với hoạt động giám sát nội bộ: Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính thực hiện hoạt động giám sát nội bộ.

Đối tượng được tự kiểm tra nội bộ, giám sát nội bộ: Các bộ phận (phòng, tổ), các cán bộ trong cơ quan HCSN được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng NS-TSN của đơn vị.

2.2.2 Thực trạng triển khai và kết quả tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2006 – 2014

2.2.2.1 Thực trạng triển khai và kết quả tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ của cơ quan hành chính, sự nghiệp cấp trên đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp trực thuộc

* Quy trình tổ chức thực hiện KSNB (theo Quy chế KSNB kèm theo Quyết định số 791/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 và Quyết định số 298/QĐ-BTC ngày 18/02/2012 bao gồm 08 bước), cụ thể như sau:

Các bước	Nội dung của từng bước
Bước 1	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch KSNB hàng năm
Bước 2	Khảo sát, thu thập thông tin về đối tượng được KSNB
Bước 3	Nội dung chi tiết KSNB
Bước 4	Công bố và tổ chức triển khai thực hiện KSNB
Bước 5	Lập biên bản xác nhận nội dung KSNB
Bước 6	Lập Báo cáo, kết luận và kiến nghị qua kết quả KSNB
Bước 7	Tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị KSNB
Bước 8	Chế độ báo cáo KSNB

* *Phương pháp*: Thực hiện kiểm soát sau (hậu kiểm), kiểm soát hiện hành (đồng thời), chưa thực hiện kiểm soát trước (tiền kiểm); hoạt động kiểm toán nội bộ mới thực hiện phương thức kiểm toán tuân thủ và kiểm toán báo cáo tài chính, chưa thực hiện kiểm toán hoạt động.

* *Kết quả tổ chức thực hiện*: Trong giai đoạn 2006 – 2014 Bộ Tài chính có tổng số các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán được giao dự toán hàng năm là 16.561 đơn vị, tổng số các cơ quan HCSN là chủ đầu tư các dự án ĐTXD hàng năm là 6.778 dự án. Bộ Tài chính (bao gồm: Cục Kế hoạch - Tài chính và các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính) thực hiện hoạt động KSNB là 562 đơn vị dự toán và 158 ĐTXD, bình quân hàng năm Bộ Tài chính thực hiện KSNB đối với các đơn vị dự toán chỉ đạt 3% so với số lượng các đơn vị dự toán của Bộ Tài chính, các dự án ĐTXD chỉ đạt 2% so với số lượng các dự án ĐTXD của Bộ Tài chính, tỷ lệ này không đủ mẫu số đại diện đánh giá kết quả KSNB toàn bộ các cơ quan HCSN

thuộc Bộ Tài chính, công tác tổ chức thực hiện KSNB của từng cơ quan cụ thể như sau:

Thứ nhất, Cục Kế hoạch – Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) tổ chức thực hiện KSNB đối với các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính: Số lượng các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính được KSNB bình quân hàng năm chỉ đạt 1,6% so với tổng số các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán, đạt 1% so với tổng số các cơ quan HCSN là chủ đầu tư các dự án ĐTXD thuộc Bộ Tài chính.

Thứ hai, Tổng cục Thuế tổ chức thực hiện KSNB đối với các cơ quan HCSN thuộc Tổng cục Thuế: Số lượng các cơ quan HCSN thuộc Tổng cục Thuế được KSNB bình quân hàng năm chỉ đạt 0,5% so với tổng số các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán, đạt 1% so với tổng số các cơ quan HCSN là chủ đầu tư các dự án ĐTXD thuộc Tổng cục Thuế.

Thứ ba, KBNN tổ chức thực hiện KSNB đối với các cơ quan HCSN thuộc KBNN: Số lượng các cơ quan HCSN thuộc KBNN được KSNB bình quân hàng năm chỉ đạt 2,6% so với tổng số các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán, đạt 1,7% so với tổng số các cơ quan HCSN là chủ đầu tư các dự án ĐTXD thuộc KBNN.

Thứ tư, Tổng cục Dự trữ Nhà nước tổ chức thực hiện KSNB đối với các cơ quan HCSN thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước: Số lượng các cơ quan HCSN thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước được KSNB bình quân hàng năm chỉ đạt 2,2% so với tổng số các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán, đạt 4,8% so với tổng số các cơ quan HCSN là chủ đầu tư các dự án ĐTXD thuộc Tổng cục.

Thứ năm, Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện KSNB đối với các cơ quan HCSN thuộc Tổng cục Hải quan: Số lượng các cơ quan HCSN thuộc Tổng cục Hải quan được KSNB bình quân hàng năm chỉ đạt 7,6% so với tổng số các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán, đạt 1,3% so với tổng số các cơ quan HCSN là chủ đầu tư các dự án ĐTXD thuộc Tổng cục Hải quan.

Thứ sáu, các cơ quan HCSN khác tổ chức thực hiện KSNB đối với các cơ quan HCSN trực thuộc: Số lượng các cơ quan HCSN khác thuộc Bộ Tài chính được KSNB bình quân hàng năm chỉ đạt 2,4% so với tổng số các cơ quan HCSN là đơn vị dự toán, đạt 0,7% so với tổng số các cơ quan HCSN là chủ đầu tư các dự án ĐTXD thuộc đơn vị.

2.2.2.2 Thực trạng triển khai và kết quả tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ tại cơ quan hành chính, sự nghiệp

* *Quy trình*: (i) Hoạt động tự kiểm tra nội bộ thực hiện theo quy trình KSNB tại Quy chế KSNB kèm theo Quyết định số 791/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 và Quyết định số 298/QĐ-BTC ngày 18/02/2012). (ii) Hoạt động giám sát nội bộ thực hiện theo quy trình KSNB tại Nghị định số 99/2005/NĐ-CP ngày 28/7/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Thanh tra nhân dân.

* *Phương pháp*: (i) Tự kiểm tra nội bộ là KSNB hiện hành (đồng thời) và KSNB sau (hậu kiểm), chưa thực hiện “tiền kiểm”. (ii) Giám sát nội bộ là KSNB sau (hậu kiểm) chưa thực hiện “tiền kiểm” và “đồng thời”.

* *Kết quả tổ chức thực hiện*: (i) Tự kiểm tra nội bộ do các cán bộ được giao nhiệm vụ sử dụng NS-TSNN chủ động thực hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. (ii) Giám sát nội bộ do Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo các hình thức tiếp nhận ý kiến, thu thập thông tin để phát hiện vi phạm, kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

2.2.2.3 Thực trạng phối hợp, vai trò, vị trí của từng hoạt động kiểm soát nội bộ tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính: (i) Hoạt động KSNB của cơ quan HCSN cấp trên đối với các cơ quan HCSN trực thuộc (kiểm tra nội bộ, kiểm toán nội bộ) có vai trò, ý nghĩa nổi trội so với hoạt động KSNB tại cơ quan HCSN (tự kiểm tra nội bộ, giám sát nội bộ). (ii) Đã có sự chuyển dần từ mức cao là KSNB của các cơ quan HCSN cấp trên đối với các cơ quan HCSN trực thuộc, tiếp đến là hoạt động KSNB tại mỗi cơ quan HCSN thì hoạt động tự kiểm tra nội bộ có kết quả cao hơn so với hoạt động giám sát nội bộ.

2.3 Đánh giá chung thực trạng hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2006 – 2014

2.3.1 Các thành quả chủ yếu đạt được

- (1) Thay đổi tích cực trong nhận thức và tin cậy vào hoạt động KSNB.
- (2) Có cơ chế, chính sách của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính khá đồng bộ.
- (3) Tổ chức bộ máy thực hiện hoạt động KSNB đã được kiện toàn, hoạt động có hiệu quả.
- (4) Đã có sự phối hợp giữa các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính với ngoại kiểm về hoạt động KSNB.

(5) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động KSNB được chú trọng, tăng cường.

(6) Hoạt động KSNB đã được chú trọng, tăng cường, góp phần quan trọng vào việc quản lý tài chính, tiền và tài sản nhà nước.

(7) Đã chú trọng và từng bước thực hiện công khai hóa kết quả hoạt động KSNB.

(8) Các quy định pháp lý về KSNB của Bộ Tài chính và thực tế hoạt động KSNB của Bộ Tài chính về cơ bản đã có sự tương đồng so với một số nước trên thế giới và bảo đảm đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

(9) Các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính đã thực hiện đúng Quy chế KSNB của Bộ Tài chính.

2.3.2 Các hạn chế chủ yếu

(1) Hệ thống lý luận, phương pháp luận về KSNB chưa được chú trọng nghiên cứu để hoàn thiện và nâng cao.

(2) Hoạt động KSNB chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức ở các cấp, các ngành.

(3) Luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước về KSNB chưa đầy đủ, đồng bộ và cụ thể.

(4) Công tác hướng dẫn cơ chế, chính sách về KSNB của Bộ Tài chính còn chưa đầy đủ.

(5) Nguồn kinh phí tăng, công tác giải ngân một số nội dung chi của các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính còn chưa đảm bảo tiến độ.

(6) Công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách hàng năm chưa gắn chặt với công tác sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính.

(7) Phối hợp của công tác ngoại kiểm đối với hoạt động KSNB chưa thường xuyên, chưa đồng bộ.

(8) Tổ chức bộ máy làm nhiệm vụ KSNB của Bộ Tài chính còn chưa hoàn thiện, hoạt động chưa có tính chuyên nghiệp cao, hiệu suất, hiệu quả chưa cao.

(9) Hoạt động xây dựng và phê duyệt kế hoạch KSNB trung hạn, hàng năm còn chậm, hiệu suất thấp.

(10) Công tác tổ chức thực hiện KSNB còn bất cập, chưa có chiều sâu.

(11) Khâu kết thúc hoạt động KSNB chưa được chú trọng đúng mức, hiệu suất chưa cao.

(12) Công tác báo cáo và công khai kết quả KSNB theo định kỳ chưa được coi trọng, thực hiện chậm và chưa đầy đủ, chưa thường xuyên.

2.3.3 Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế

2.3.3.1 Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, chưa có sự hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách về KSNB một cách kịp thời, đầy đủ.

Thứ hai, đặc thù tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính trải rộng từ Trung ương đến cấp huyện trong phạm vi toàn quốc với nhiều cấp Tổng cục, dẫn đến khối lượng hoạt động sử dụng NS – TSNN rất lớn và phức tạp.

Thứ ba, cán bộ làm nhiệm vụ KSNB của Bộ Tài chính chủ yếu là cán bộ quản lý, sử dụng NS – TSNN kiêm nhiệm hoạt động KSNB.

Thứ tư, Nhà nước chưa có quy định về hệ thống các chỉ số, chỉ tiêu đánh giá, lượng hóa hiệu quả công tác sử dụng NS – TSNN, công tác chuyên môn của các cơ quan HCSN.

Thứ năm, Việc đảm bảo tránh chồng chéo hoàn toàn về đối tượng được KSNB với kế hoạch ngoại kiểm là khó khăn; chưa có cơ chế lồng ghép, hợp nhất kế hoạch ngoại kiểm và kế hoạch KSNB.

Thứ sáu, nguồn lực của ngoại kiểm có hạn, nên các cơ quan ngoại kiểm không đủ nguồn lực để thanh tra, kiểm toán đối với toàn bộ các cơ quan HCSN.

2.3.3.2 Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, Bộ Tài chính chưa kịp thời hướng dẫn cơ chế, chính sách về KSNB để áp dụng đối với các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính.

Thứ hai, Bộ Tài chính chưa tập trung kiện toàn tổ chức làm nhiệm vụ KSNB, nên hiện nay tại một số cơ quan HCSN nhiệm vụ KSNB về sử dụng NS – TSNN có nhiều đầu mối tham gia, không có đầu mối chịu trách nhiệm chính.

Thứ ba, một số cán bộ được giao nhiệm vụ KSNB chưa thực sự chủ động; khả năng thích ứng với sự thay đổi chưa cao.

Thứ tư, công tác chỉ đạo, phối hợp trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động KSNB còn chưa thực sự nhuần nhuyễn.

Thứ năm, tổ chức thực hiện kế hoạch KSNB hàng năm vẫn còn có cơ quan HCSN chưa thực sự chủ động.

Thứ sáu, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm nhiệm vụ KSNB chưa được coi trọng.

2.3.4 Những vấn đề đặt ra cần giải quyết đối với hoạt động kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính: (1) Vấn đề đổi mới, hoàn thiện thể chế quản lý đối với hoạt động KSNB. (2) Vấn đề hiện đại hóa hoạt động KSNB phải gắn với việc tiếp tục cải cách hành chính. (3) Vấn đề công khai hóa kết quả hoạt động KSNB phải được giải quyết gắn với đẩy mạnh chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ được giao nhiệm vụ KSNB.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VỀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH,

TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH,

SỰ NGHIỆP THUỘC BỘ TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2025

3.1 Bối cảnh và những yêu cầu đặt ra

3.1.1 Bối cảnh quốc tế và trong nước: Việt Nam sẽ chịu tác động trực tiếp của xu thế toàn cầu, kinh tế phát triển bền vững, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

3.1.2 Dự báo về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính: Các cơ quan hành chính tiếp tục thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; các Trường đại học, cao đẳng thực hiện theo Nghị quyết số 77/NĐ - CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 – 2017; quy mô kinh phí giai đoạn 2016 – 2020 so với giai đoạn 2011 - 2015 của Tổng cục Thuế sẽ tăng khoảng 1,6 lần, của Tổng cục Hải quan sẽ tăng khoảng 1,75 lần. Trong giai đoạn 2016 – 2020 vốn ĐT XD của các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính là 38.083,4 tỷ đồng, so với giai đoạn 2011 – 2015 sẽ tăng khoảng 1,9 lần.

3.1.3 Những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức

3.1.3.1 Thuận lợi: (i) Nhà nước đã quy định về hoạt động KSNB tại các Luật. (ii) Bộ Tài chính sớm ban hành quy chế KSNB trong phạm vi các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính từ năm 2005. (iii) Lãnh đạo Bộ Tài chính, Lãnh đạo các cơ

quan HCSN thuộc Bộ Tài chính đều nhận thức tích cực và chỉ đạo sâu sát đối với hoạt động KSNB. (iv) Hoạt động KSNB của Bộ Tài chính đã được đưa vào Kế hoạch hành động trung hạn triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020. (v) Bộ Tài chính thực hiện hoạt động KSNB để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng cam kết, yêu cầu với quốc tế. (vi) Cơ chế quản lý, sử dụng NS-TSNN khá hoàn chỉnh. (vii) Các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính đã được phân cấp và gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan. (viii) Yêu cầu cải cách hành chính, công khai, minh bạch; giám sát.

3.1.3.2 *Khó khăn:*

Thứ nhất, những khó khăn chung: (i) Việc xây dựng hệ thống lý luận, phương pháp luận vẫn chưa được quan tâm; (ii) Chưa có Nghị định về KSNB; (iii) Công tác ngoại kiểm và hoạt động giám sát của Nhà nước có giới hạn.

Thứ hai, khó khăn ở Bộ Tài chính: (i) Công tác hướng dẫn hoạt động KSNB của Bộ Tài chính vẫn chưa được hoàn thiện. (ii) Cán bộ được giao nhiệm vụ KSNB chuyên trách còn mỏng. (iii) Kế hoạch KSNB hàng năm đề ra số lượng rất nhỏ đối tượng KSNB, chưa thực sự chủ động tổ chức thực hiện hoạt động tự kiểm tra nội bộ và giám sát nội bộ. (iv) Kết luận, kiến nghị KSNB chưa tính toán được tương quan giữa số NS-TSNN sử dụng với chất lượng hành chính nhà nước. (v) Hệ thống dữ liệu của Bộ Tài chính đang do các cơ quan khác nhau thuộc Bộ Tài chính quản lý, chưa kết nối toàn ngành.

3.1.3.3 *Cơ hội:* (i) Quy định tại các văn bản pháp lý cao nhất và yêu cầu của dân chủ hóa xã hội. (ii) Theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 Bộ Tài chính có nhiệm vụ “chủ trì đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước. (iii) Kinh nghiệm KSNB của Bộ Tài chính từ năm 2005 đến nay. (iv) Bộ Tài chính đã được các tổ chức quốc tế hỗ trợ về việc nâng cao năng lực hoạt động KSNB.

3.1.3.4 *Thách thức:* (i) Nhận thức của các cơ quan HCSN phải chuyển sang công khai, minh bạch. (ii) Bộ Tài chính có chức năng “QLNN về Tài chính”, trong đó có quản lý hoạt động sử dụng NS – TSNN của chính các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính. (iii) Hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế. (iv) Hoạt động KSNB sẽ phải vượt qua những thách thức về tầng nấc trong bộ máy hành chính, về quyền lợi của Thủ trưởng cơ quan...

3.2 Quan điểm, mục tiêu và phương hướng đổi mới

3.2.1 Quan điểm chỉ đạo: (1) Trên cơ sở tăng cường nhận thức và đổi mới tư duy lý luận về KSNB. (2) Thực hiện theo đúng đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. (3) Phục vụ thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020. (4) Đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng NS – TSNN công khai, minh bạch và phù hợp với lộ trình hội nhập quốc tế của đất nước. (5) Phù hợp với tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính và của các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính. (6) Theo các nguyên tắc phù hợp, thường xuyên – liên tục, đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính và với các cơ quan ngoại kiểm.

3.2.2 Mục tiêu của đổi mới hoạt động KSNB: Mục tiêu tổng quát là phân phối hợp lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; phân phối lợi ích công bằng; huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng; cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện; đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý, giám sát tài chính.

3.2.3 Phương hướng đổi mới hoạt động KSNB: (1) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động KSNB. (2) Tăng cường nhận thức và xây dựng hệ thống lý luận về KSNB. (3) Triển khai toàn diện hoạt động KSNB trong các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính.

3.3 Các giải pháp đổi mới

3.3.1 Những giải pháp đổi mới tổng thể kiểm soát nội bộ ở Việt Nam

3.3.1.1 Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước về kiểm soát nội bộ, nhất là kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp

Thứ nhất, ban hành các quy chế thành lập, chế độ, chính sách, cơ chế hoạt động KSNB tại các cơ quan HCSN, bao gồm: Hệ thống chuẩn mực, quy trình KSNB; quy định nhiệm vụ, tổ chức bộ máy KSNB tại các cơ quan HCSN theo hướng bắt buộc các cơ quan HCSN phải thực hiện, khuyến khích các tổ chức khác áp dụng.

Thứ hai, xây dựng cơ chế QLNN về KSNB; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan ngoại kiểm với hoạt động KSNB của các cơ quan HCSN: (i) Quy định thống nhất một cơ quan thực hiện QLNN về hoạt động KSNB. (ii) Khuyến khích, tạo điều kiện thành lập Hiệp hội KSNB. (iii) Các Bộ, ngành nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, chuyển giao kết quả lĩnh vực KSNB. (iv) Các Bộ,

ngành, địa phương, các cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và Hội Kiểm toán viên hành nghề (đại diện cho các công ty kiểm toán độc lập) thường xuyên trao đổi về kế hoạch, kết quả công tác...

Thứ ba, xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng hoạt động KSNB của cơ quan HCSN: (i) Cấp độ thứ nhất, kiểm soát chất lượng của bộ phận KSNB. (ii) Cấp độ thứ hai, kiểm soát chất lượng hoạt động KSNB.

Thứ tư, đổi mới hoạt động KSNB tại cơ quan HCSN thông qua hoàn thiện bộ máy giám sát nội bộ của các đoàn thể: (i) Sửa đổi Luật Thanh tra theo hướng đổi tên gọi từ Ban Thanh tra nhân dân thành Ủy ban giám sát của nhân dân và sửa đổi chức năng, nhiệm vụ theo hướng giám sát việc tuân theo pháp luật của các tổ chức, cá nhân; phát hiện và thông báo cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những hành vi vi phạm pháp luật. (ii) Sửa đổi Nghị định số 99/2005/NĐ-CP ngày 28/7/2005 của Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo hướng tiếp tục đổi mới, tăng cường hiệu quả, chất lượng và hoạt động giám sát nội bộ của tổ chức này đảm bảo phù hợp với tên gọi mới.

3.3.1.2 Xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp

Thứ nhất, hệ thống chỉ số đánh giá tác động của công tác sử dụng NS-TSN tại cơ quan HCSN đối với kết quả hoạt động chuyên môn.

Thứ hai, hệ thống chỉ số về các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng NS-TSN tại đơn vị.

Thứ ba, hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng tại cơ quan HCSN.

3.3.2. Những giải pháp đổi mới tổ chức thực hiện kiểm soát nội bộ của Bộ Tài chính

3.3.2.1 Đổi mới, hoàn thiện các quy định cụ thể có liên quan đến kiểm soát nội bộ về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện Quy chế KSNB trong điều kiện chưa có Nghị định về KSNB.

Thứ hai, xây dựng Sổ tay hoạt động KSNB.

3.3.2.2 Đổi mới, kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy kiểm soát nội bộ của Bộ Tài chính

Thứ nhất, thành lập mới bộ phận KSNB ở Bộ Tài chính và ở các Tổng cục là bộ phận độc lập thuộc Bộ, thuộc Tổng cục (độc lập với các Vụ, Cục thuộc Bộ, thuộc Tổng cục) gồm 03 bộ phận nghiệp vụ độc lập (có thể thành lập cấp phòng hoặc tổ, nhóm), bao gồm: (i) Bộ phận nghiên cứu phân tích. (ii) Bộ phận trực tiếp kiểm soát. (iii) Bộ phận xử lý và giám sát.

Thứ hai, đối với hoạt động KSNB tại cơ quan HCSN (như cơ quan Tổng cục, cơ quan Cục, đơn vị dự toán cấp III thực hiện tự kiểm tra nội bộ, giám sát nội bộ): Tùy thuộc quy mô, tổ chức bộ máy có thể giao cho một nhóm chuyên trách hoặc kiêm nhiệm nhiệm vụ KSNB để phối hợp với Ban Thanh tra Nhân dân, các cán bộ cơ quan thực hiện hoạt động KSNB.

3.3.2.3 Hợp nhất, kiện toàn và công khai hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước của Bộ Tài chính.

3.3.2.4 Xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kiểm soát nội bộ của Bộ Tài chính: (i) Xây dựng kế hoạch KSNB trung hạn giai đoạn 2016 – 2020. (ii) Hoàn thiện kế hoạch KSNB hàng năm từ năm 2016.

3.3.2.5 Đổi mới, hoàn thiện công tác tổ chức thực hiện kiểm soát nội bộ

Thứ nhất, hoạt động KSNB có thể giao trực tiếp cho từng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện. Việc thành lập Đoàn, Tổ KSNB chỉ áp dụng đối với hoạt động KSNB theo chuyên đề, đối tượng kiểm soát có quy mô lớn.

Thứ hai, hoàn thiện công tác khảo sát, thu thập số liệu trước khi tổ chức thực hiện KSNB.

Thứ ba, tập trung chuyển đổi trọng tâm KSNB từ tuân thủ chế độ, chính sách sang đánh giá về hiệu quả, tập trung “tiền kiểm”.

Thứ tư, kiện toàn và củng cố hoạt động KSNB tại cơ quan HCSN: (i) Mỗi bộ phận, từng cán bộ có liên quan đến công tác sử dụng NS – TSNN phải tự nhận thức và hành động tự kiểm soát. (ii) Ban Thanh tra nhân dân và bản thân từng cán bộ phải thường xuyên thực hiện giám sát. (iii) Lãnh đạo và mỗi bộ phận có liên quan của cơ quan HCSN nên nhìn nhận hoạt động này là kênh phản hồi trực tiếp từ cán bộ và từ đối tác.

Thứ năm, báo cáo kết quả, kết luận, kiến nghị KSNB: (i) Quy định rõ trách nhiệm của Đoàn KSNB, cán bộ được giao nhiệm vụ KSNB. (ii) Có cơ chế thẩm định báo cáo kết quả KSNB.

Thứ sáu, thực hiện kết luận, kiến nghị KSNB: Nên quy định trách nhiệm trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo thực hiện kết luận, kiến nghị dứt điểm.

Thứ bảy, nhân rộng kết quả KSNB trong các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính để có tác dụng chấn chỉnh, rút kinh nghiệm chung.

3.3.2.6 Thực hiện công khai hoạt động kiểm soát nội bộ: (i) Những thông tin, văn bản liên quan đến hoạt động KSNB phải được công khai trừ những thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước. (ii) Việc công khai nên thực hiện trong suốt quá trình hoạt động KSNB. (iii) Mỗi cơ quan HCSN nên thiết lập một đường dây điện thoại, mail, fax trực tuyến theo dõi, tiếp nhận thông tin về KSNB.

3.3.2.7 Một số giải pháp khác

Thứ nhất, cán bộ được giao nhiệm vụ KSNB: (i) Sớm nghiên cứu, xây dựng chương trình tập huấn. (ii) Quy định yêu cầu từng cán bộ được giao nhiệm vụ KSNB phải tự đào tạo ngay trong quá trình thực thi nhiệm vụ. (iii) Quy định thực hiện luân chuyển đối với cán bộ được giao nhiệm vụ KSNB.

Thứ hai, các cơ quan HCSN trực tiếp sử dụng NS - TSNN thực hiện KSNB trước khi phê duyệt báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm.

Thứ ba, thu gọn đầu mối các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính.

3.4 Các điều kiện để thực hiện thành công các giải pháp

3.4.1 Nhận thức mới về hoạt động kiểm soát nội bộ: (i) Hoạt động KSNB là khách quan, xu thế quản trị quốc gia hiện đại. (ii) Hoạt động KSNB là hoạt động tự thân, tự nguyện đến khi có sự bắt buộc sẽ cảm thấy phù hợp. (iii) Thủ trưởng cấp trên và thủ trưởng từng cơ quan HCSN coi hoạt động KSNB chính là cánh tay nối dài cho Thủ trưởng cơ quan.

3.4.2 Đối với các cơ quan quản lý nhà nước: (i) Tuyên truyền rộng rãi về hoạt động KSNB. (ii) Thiết lập bộ phận KSNB chuyên nghiệp để theo hướng chuyên nghiệp hóa hoạt động KSNB. (iii) Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng hoạt động KSNB đối với các cơ quan HCSN. (iv) Xây dựng cơ chế KSNB có tính bắt buộc. (v) Xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN. (vi) Hoàn thiện bộ máy giám sát nội bộ tại cơ quan HCSN.

3.4.3 Đối với Bộ Tài chính: (i) Thiết lập bộ phận KSNB độc lập. (ii) Bổ sung văn bản của Bộ quy định về KSNB. (iii) Đào tạo nguồn nhân lực. (iv) Hợp tác quốc tế.

(v) Hợp nhất hệ thống cơ sở dữ liệu hiện có. (vi) Xây dựng kế hoạch KSNB giai đoạn 2016 -2020. (vii) Tiếp tục hoàn thiện, củng cố kế hoạch KSNB hàng năm.

KẾT LUẬN

Luận án đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá đầy đủ và toàn diện những vấn đề lý luận, mô hình, hoạt động KSNB và hoạt động KSNB về sử dụng NS - TSNN tại các cơ quan HCSN của một số nước trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, thực trạng hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính trong giai đoạn 2006 – 2014 và qua kết quả khảo sát bằng 355 phiếu phỏng vấn để thấy rõ hơn sự cần thiết phải đổi mới hoạt động KSNB về sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính.

Luận án đã đề xuất những quan điểm, phương hướng và giải pháp đổi mới hoạt động KSNB về sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính và các cơ quan HCSN ở Việt Nam đến năm 2025, một số giải pháp đã đưa ra lộ trình trong tổ chức thực hiện giải pháp đảm bảo tạo tính linh hoạt, chủ động, phù hợp với tổ chức bộ máy và công tác quản lý, sử dụng NS-TSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính và tại các cơ quan HCSN của Việt Nam, trong đó có một số giải pháp mang tính gợi mở để các Luận án khác tiếp tục nghiên cứu.

Đồng thời Luận án đã có những kiến nghị cụ thể đối với từng đối tượng như các cơ quan QLNN, Bộ Tài chính... và đề cập tới các điều kiện để thực hiện thành công các giải pháp đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, xu hướng đổi mới, mở rộng, nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức, trong đó chú trọng đến tạo lập nền tảng pháp lý, tính chuyên nghiệp, thống nhất về quy trình nghiệp vụ, cách thức tiếp cận và mô hình tổ chức hoạt động KSNB tại các cơ quan HCSN.

Trong quá trình nghiên cứu, do hạn chế về nguồn lực và thời gian, nên Luận án chưa đảm bảo bao quát đầy đủ, toàn diện các nội dung của hoạt động KSNB về sử dụng NS – TSNN, nên không thể tránh được các hạn chế, thiếu sót nhất định. Tác giả rất mong muốn nhận được ý kiến góp ý của các nhà khoa học, nhà quản lý và đồng nghiệp để tiếp tục hoàn thiện Luận án này./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Đức Thọ (2007), “Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng kinh phí NSNN tại các cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính”, *Luận văn thạc sĩ kinh tế*, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội;
2. Nguyễn Đức Thọ (2010), “Bàn về chế độ tự chủ trong sử dụng kinh phí hành chính”, *Tạp chí Tài chính*, 544(2);
3. Nguyễn Đức Thọ (2010), “Quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán*, 81(4);
4. Nguyễn Đức Thọ (2010), “Hạn chế và giải pháp khắc phục công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ”, *Tạp chí Thanh tra Tài chính*, (95);
5. Nguyễn Đức Thọ (2014), “Quyết định 791/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Kết quả, những hạn chế và kiến nghị điều chỉnh, bổ sung”, *Tạp chí Thanh tra Tài chính*, (146);
6. Nguyễn Đức Thọ (2014), “Nâng cao hiệu quả giám sát nội bộ trong việc quản lý, sử dụng NS – TSNN tại các cơ quan HCSN”, *Tạp chí Thị trường Giá cả*, (8/2014);
7. Nguyễn Đức Thọ (2014), “Bàn về hệ thống KSNB trong các cơ quan nhà nước”, *Tạp chí Thanh tra Tài chính*, (150);
8. Nguyễn Đức Thọ (2014), “Giám sát nội bộ quản lý và sử dụng ngân sách tại cơ quan HCSN thuộc Bộ Tài chính”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (24).